

Bản án số: 125/2023/HS-ST

Ngày: 08-11-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2023/TLST-HS ngày 18/10/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-HS ngày 25/10/2023, đối với bị cáo:

**Phạm Thị T**, sinh ngày 26/5/1962 tại huyện S, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn CB, xã SN, huyện S, tỉnh T; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 6/10; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1939 và bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1937 (đều đã chết); Có chồng Trần Quang M, sinh năm 1960 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1996; Anh chị em ruột: có 09 người, bị cáo là thứ nhất;

Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 10/11/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 03 (ba) năm về tội “Chứa mại dâm”, buộc phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 20/01/2022 đã nộp án phí hình sự sơ thẩm (Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2021/HS-ST ngày 10/11/2021).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2022 đến ngày 19/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Phạm Thị T1, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn ĐK, xã KN, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt).

2. Trần Thị P, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn CB, xã SN, huyện S, tỉnh T (Có mặt).

*\* Những người làm chứng:*

1. Dương Văn T2, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn HV, xã ĐP, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt).

2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn ĐX, xã SN, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt).

3. Đỗ Trọng H, sinh năm 1986, trú tại thôn ĐN, xã ĐL, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2022, chị Trần Thị P giao cho Phạm Thị T là mẹ đẻ của P quản lý, trông coi nhà nghỉ NP tại thôn CB, xã SN, huyện S, tỉnh T.

Khoảng đầu tháng 10 năm 2022, Phạm Thị T1 đến nhà nghỉ NP thỏa thuận với Phạm Thị T về việc thuê phòng nghỉ để hoạt động mua bán dâm, Phạm Thị T đồng ý và bố trí cho T1 ở tại phòng 108 của nhà nghỉ NP. T thu của T1 100.000 đồng/ngày, nếu ở qua đêm thì thu 200.000 đồng. Trần Thị P không biết việc bà T cho T1 ở nhà nghỉ NP để bán dâm cho khách.

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 10 năm 2022 đến ngày 27/12/2022, Phạm Thị T đã 04 lần cho Phạm Thị T1 bán dâm cho khách tại nhà nghỉ NP, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày (không xác định) đầu tháng 10 năm 2022, Dương Văn T2 một mình đi đến nhà nghỉ NP, gặp và đặt vấn đề mua dâm với nhân viên trong nhà nghỉ thì được Phạm Thị T chỉ xuống phòng 108 của nhà nghỉ, T2 đi vào phòng 108 gặp Phạm Thị T1 và thỏa thuận mua dâm với giá 300.000 đồng, sau đó T2 và T1 thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại phòng 108 của nhà nghỉ NP.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 11/12/2022, Nguyễn Văn P một mình đi đến nhà nghỉ NP, gặp và đặt vấn đề mua dâm với nhân viên trong nhà nghỉ thì được Phạm Thị T chỉ xuống phòng 108 của nhà nghỉ, P đi vào phòng 108 gặp Phạm Thị T1 và thỏa thuận mua dâm với giá 300.000 đồng, sau đó P và T1 thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại phòng 108 nhà nghỉ NP.

Lần thứ 3: Khoảng 20 giờ ngày 27/12/2022, có một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ đi đến nhà nghỉ NP, gặp và đặt vấn đề mua dâm với nhân viên trong nhà nghỉ thì được Phạm Thị T chỉ xuống phòng 108 của nhà nghỉ, người đàn ông đó đi vào phòng 108 gặp Phạm Thị T1 và thỏa thuận mua dâm với giá 300.000 đồng, người đàn ông đó và T1 thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại phòng 108 nhà nghỉ NP.

Lần thứ tư: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/12/2022, Đỗ Trọng H và Trần Văn C (sinh năm 1991, trú tại thôn XN, xã ĐL, huyện S, tỉnh T) đến nhà nghỉ NP gặp Phạm Thị T. Hiếu hỏi T về việc mua dâm thì T gọi điện thoại thông báo cho T1 đồng thời chỉ dẫn H đến phòng 108, lúc này H và C nhìn thấy một người đàn ông từ phòng 108 đi ra. Sau đó C ở ngoài sân còn H đi vào phòng 108 gặp Phạm Thị T1 và thỏa thuận mua dâm với giá 300.000 đồng, khi H và T1 đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì bị Tổ công tác Công an huyện Sơn Dương kiểm tra và lập biên bản kiểm tra xác minh nguồn tin về tội phạm.

Phạm Thị T1 khai nhận, ngoài tiền thuê phòng của nhà nghỉ NP, T1 và T còn thỏa thuận mỗi lần T1 bán dâm cho khách với giá 200.000 đồng đến 300.000 đồng/lần bán dâm T1 phải đưa cho T số tiền từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng/lần bán dâm. Quá trình điều tra không chứng minh được việc T1 đưa tiền cho T sau các lần bán dâm.

Cáo trạng số 102/CT-VKSSD ngày 03/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố Phạm Thị T về tội "Chứa mại dâm" theo điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố Phạm Thị T phạm tội "Chứa mại dâm".

- Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Thị T từ 05 (năm) năm 03 (ba) tháng đến 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 137/2021/HS-ST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là từ 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng đến 07 (năm) 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/8/2021 đến ngày 03/9/2021 và thời gian tạm giam từ ngày 29/12/2022 đến ngày 19/7/2023.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về việc xem xét hành vi của Phạm Thị T.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa mới và là môi trường lây lan căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS và các căn bệnh xã hội khác. Bị cáo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng địa điểm là cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú do mình được ủy quyền quản lý để hoạt động mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi vẫn 04 lần cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Thị T đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi “Chứa mại dâm” của Phạm Thị T được chứng minh bằng lời khai nhận tội của chính bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 10 năm 2022 đến ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại nhà nghỉ NP thuộc thôn CB, xã SN, huyện S. Phạm Thị T là quản lý, trông coi nhà nghỉ đã 04 lần có hành vi cho Phạm Thị T1 bán dâm cho khách tại phòng 108 nhà nghỉ NP, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày (không xác định) đầu tháng 10 năm 2022, Phạm Thị T cho Phạm Thị T1 bán dâm cho Dương Văn T2 tại phòng 108 với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 11/12/2022, Phạm Thị T cho Phạm Thị T1 bán dâm cho Nguyễn Văn P tại phòng 108 với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba: Khoảng 20 giờ ngày 27/12/2022, Phạm Thị T cho Phạm Thị T1 bán dâm cho một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ tại phòng 108 với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Lần thứ tư: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/12/2022, Phạm Thị T cho Phạm Thị T1 bán dâm cho Đỗ Trọng H tại phòng 108 với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Năm 2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 03 (ba) năm về tội “Chứa mại dâm”, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10-11-2021). Tính đến tháng 10 năm 2022, bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách. Do vậy, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Có bố đẻ là ông Phạm Văn H được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, có chồng là ông Trần Quang M có thời gian

(từ năm 1979 đến năm 1981) tham gia quân ngũ, hiện đang là Hội viên Hội Cựu chiến binh của thôn QT, xã SN, huyện S. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

*[3]. Về việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo.*

- Hình phạt chính: Xét toàn diện căn cứ để quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ: tuy hành vi phạm tội của bị cáo T là rất nghiêm trọng, phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự), nên tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo đã giảm đi đáng kể. Để đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa mà vẫn thỏa mãn mục đích trừng trị của hình phạt, cần xử bị cáo mức án bằng mức thấp nhất trong phạm vi đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật. Do trong vụ án trước, bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 29/8/2021 đến ngày 03/9/2021 nên căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì thời gian bị cáo đã bị tạm giữ sẽ được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù. Trong vụ án này, bị cáo đã bị tạm giam 29/12/2022 đến ngày 19/7/2023 nên cần trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, là người cao tuổi, không có tài sản riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

*[4]. Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.*

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do Luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

*[5]. Về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án và các vấn đề khác.*

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 bên trong lắp 02 sim điện thoại của nhà mạng Viettel thu giữ của Phạm Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04 thu giữ của Phạm Thị T1 là những tài sản bị cáo và chị T1 không sử dụng thường xuyên vào việc phạm tội nên cần trả lại cho chị T1.

Đối với 01 đầu thu camera màu trắng, nhãn hiệu HIKVISION của chị Trần Thị P; 01 quyển sổ quản lý lưu trú có 28 trang ghi họ tên, địa chỉ những người đến nhà nghỉ NP lưu trú thuộc quyền quản lý của chị Trần Thị P là những tài sản không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho chị Trần Thị P.

Đối với số tiền số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) do Phạm Thị T1 tự nguyện giao nộp là tiền thu lời bất chính nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại các Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi mua bán dâm của Phạm Thị T1, Đỗ Trọng H, Dương Văn T2, Nguyễn Văn P. Công an huyện Sơn Dương đã xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 05, 06, 07, 08 ngày 09/01/2023 bằng hình thức phạt tiền. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 106; 135, 136, 331 và 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;*

*Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự;*

*Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:*

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội "*Chứa mại dâm*".

### **1. Về hình phạt:**

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 137/2021/HS-ST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/8/2021 đến ngày 03/9/2021 và thời gian tạm giam từ ngày 29/12/2022 đến ngày 19/7/2023.

### **2. Về xử lý vật chứng:**

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu đỏ đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 866787051481450, IMEI 2:

866787051481443; bên trong lắp 02 sim điện thoại của mạng Viettel: sim 1 có dãy số 8984048000384949872, sim 2 có dãy số 8984048000331316082, được niêm phong trong phong bì giấy có chữ ký giáp lai của ông NSĐ và đóng dấu giáp lai của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang.

- Trả lại cho chị Phạm Thị T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04, màu xanh, số IMEI 1: 351890419967483, IMEI 2: 353869189967483, số seri: R92TA01TMVZ.

- Trả lại cho chị Trần Thị P 01 đầu thu camera màu trắng, nhãn hiệu HIKVISION, model: DS-7104HQHI-F1/N, số serial No:720207667; 01 quyển sổ quản lý lưu trú; trên bìa sổ ghi tên cơ sở kinh doanh: nhà nghỉ NP, địa chỉ: SN – S - T, quyển số 01; ghi từ ngày 14/11/2016 đến ngày 14/11/2017, đóng dấu treo của Công an huyện Sơn Dương. Trong quyển sổ quản lý lưu trú có 28 trang ghi họ tên, địa chỉ những người đến nhà nghỉ NP lưu trú.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện Sơn Dương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương lập ngày 09/8/2023).*

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) hiện đang tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi Cục thi hành án huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương (Theo công văn số 666/CV-CQCSĐT ngày 09/8/2023 của công an huyện Sơn Dương).

### **3. Về án phí và quyền kháng cáo:**

- Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Thị T.

- Bị cáo Phạm Thị T, chị Trần Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Phạm Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang.
- CQCSĐT CA huyện Sơn Dương;
- CQTHAHS CA huyện Sơn Dương
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Bộ phận HSNV CA huyện Sơn Dương;
- Sở tư pháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thùy Trâm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Hùng - Nguyễn Văn Quang**

**Phạm Thị Thùy Trâm**





